

Bản án số: 250/2022/HSPT

Ngày: 01 - 11 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết và ông Nguyễn Huân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 01/11/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 252/TLPT-HS ngày 04/10/2022 đối với bị cáo Võ Văn Kh và 05 bị cáo về tội “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 218/2022/HS-ST ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2022/QĐXXPT-HS ngày 20/10/2022.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Võ Văn Kh (T); Giới tính: Nam; Sinh năm 1989, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: 151/19/3 Lê Hồng P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Võ Văn T và con bà Hồ Thị Thanh T1; Bị cáo có vợ Phạm Thị Kim Th (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 03/2012/HSST ngày 20/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm 06 tháng về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Bị cáo đã chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/11/2021 đến ngày 05/12/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

2. Nguyễn Thị Thu H; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1984, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: 08 Thủ Khoa H, phường Thành N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Nguyễn Văn Th và bà Bùi Thị H; Bị cáo

có chồng Nguyễn Lê T2 (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/11/2021 đến ngày 05/12/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

3. Phạm Ngọc A (S); Giới tính: Nam; Sinh năm 1985, tại tỉnh Đắk Lắk; Hộ khẩu thường trú: Thôn Phước H 2, xã Ea K, huyện Krông P, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Liên gia 15, thôn 7, xã Cư Ê, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nhân viên tiếp thị; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Phạm Văn T3 và bà Nguyễn Thị Q; Vợ Nguyễn Thị H có 02 con sinh năm 2007 và 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/11/2021 đến ngày 05/12/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

04. Huỳnh Trường S; Giới tính: Nam; Sinh năm 1985, tại tỉnh Đắk Lắk; Hộ khẩu thường trú: 170/28 Mai Hắc Đ, phường Tân T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Liên gia 62, tổ dân phố A, phường Thành Nh, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nhân viên tiếp thị; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Huỳnh T4 và bà Lê Thị N; Vợ Phan Thị Hoài P, có 02 con sinh năm 2013 và năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/11/2021 đến ngày 05/12/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

05. Trần Thúy A1 (Th); Giới tính: Nữ; Sinh năm 1978, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: 174 Trần Quý C, phường Tự A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Văn Nh và bà Phạm Thị H; Chồng Nguyễn Ngọc S (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/11/2021 đến ngày 05/12/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

06. Phùng Minh H1; Giới tính: Nam; Sinh năm 1982, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: 146 Hoàng Thế T phường Tân L, thành phố B tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nhân viên tiếp thị; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phùng K và bà Nguyễn Thị L; Vợ Nguyễn Thị L1, có 02 con sinh năm 2010 và năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 154/QĐ-XPVPHC ngày 23/10/2014 của Công an phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt bị cáo 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”. Ngày 24/10/2014 bị cáo đã nộp xong tiền phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/11/2021 đến ngày 05/12/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Trịnh Thị Kim L, Đặng Bá L1, Lò Thị T, Trần Thị N nhưng không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thu H là chủ sở hữu, sử dụng nhà và đất tại 08 Thủ Khoa H, phường Thành Nh, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. H và Võ Văn Kh có quan hệ tình cảm và chung sống với nhau như vợ chồng. Sáng ngày 25/11/2021 H và Kh bàn bạc, rủ rê nhiều người đến nhà đánh bạc và thu tiền xâu nhằm mục đích hưởng lợi bất chính. H và Kh sử dụng điện thoại di động để liên lạc rủ Đặng Bá L, Trịnh Thị Kim L1, Lò Thị T, Trần Thị N, Phạm Ngọc A, Huỳnh Trường S, Phùng Minh H1 đến nhà H để đánh bạc, tất cả đồng ý. Các con bạc thống nhất đánh bài phỏm được thua bằng tiền, mỗi người độ chón 3.000.000 đồng, nếu người chơi thua hết tiền thì mỗi người trong sòng phải đóng tiền xâu 100.000 đồng cho H hoặc Kh. Tiền xâu H, Kh sử dụng để mua đồ ăn, nước uống cho các bị cáo, Kh lấy 02 chiếc chăn, trải lên 02 bàn gỗ trong phòng bếp, bài thú loi khơ để làm 02 chiếu bạc, cụ thể:

Chiếu bạc thứ nhất gồm Nguyễn Thị Thu H, Lò Thị T, Phùng Minh H1 và Trần Thị N ngồi đánh bạc tại bàn ăn cạnh cửa ra vào nhà vệ sinh trong phòng bếp. H sử dụng 15.000.000 đồng, T sử dụng 5.200.000 đồng, H1 sử dụng 5.200.000 đồng, N sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, H1 đi ra ngoài nghe điện thoại nên Kh cầm bài và giúp H1 đánh 01 lá bài xuống sòng. Kết thúc chón thứ nhất, H1, T, N đóng tiền xâu cho H 100.000 đồng/người. Do N đi về nên Đặng Bá L đến và thay vào vị của N cùng tham gia đánh bạc với H, T, H1. L sử dụng số tiền 16.525.000 đồng để đánh bạc. Tổng số tiền đánh bạc của chiếu bạc thứ nhất là 42.525.000 đồng.

Chiếu bạc thứ hai gồm Huỳnh Trường S, Trần Thúy A1, Phạm Ngọc A, Trịnh Thị Kim L ngồi đánh bạc tại bàn gỗ cạnh chân cầu thang trong phòng bếp. Sa sử dụng 3.600.000 đồng, Thúy A1 sử dụng 16.430.000 đồng, Ngọc A sử dụng 3.200.000 đồng, L sử dụng 14.800.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, S đi vệ sinh nên Kh ngồi thay, bốc và sắp xếp bài giúp S. Kết thúc chón thứ nhất, Ngọc A, Thúy A1 S, L đã đóng tiền xâu cho Kh 100.000 đồng/người. Do thua hết tiền nên Ngọc A hỏi mượn Sa 20.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc. S đưa thẻ ATM và mật khẩu của thẻ cho Kh để nhờ Kh đi rút tiền. Kh đi rút 20.000.000 đồng về đưa cho Ngọc A và trả lại thẻ ATM cho S. Tổng số tiền đánh bạc của chiếu bạc thứ hai là 58.030.000 đồng.

Các bị cáo đánh bạc từ khoảng 12 giờ ngày 25/11/2021 đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tang vật, công cụ, phương tiện và số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 218/2022/HSST ngày 08/8/2022 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

- Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Võ Văn Kh 02 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 03 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp 05 năm 03 tháng tù.

- Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s (thêm điểm i đối với tội “Đánh bạc”) khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 02 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 02 năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp 04 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 (thêm khoản 2 đối với bị cáo Trần Thúy Anh) Điều 51 BLHS:

+ Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc A 03 năm 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Trường S 03 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Trần Thúy A1 03 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Phùng Minh H 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Ngoài ra, bản án còn quyết định hình phạt đối với bị cáo Trịnh Thị Kim L, Đặng Bá L, Lò Thị T, Trần Thị N, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí.

Ngày 09, 10, 19, 22/8/2022 bị cáo Võ Văn Kh kháng cáo giảm hình phạt; các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Phạm Ngọc A, Huỳnh Trường S, Trần Thúy A1, Phùng Minh H kháng cáo giảm hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng:

Xét mức hình phạt 02 năm tù về tội tổ chức đánh bạc, 03 năm 03 tháng tù về tội đánh bạc mà án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Võ Văn Kh; mức hình phạt 03 năm 03 tháng tù về tội đánh bạc mà án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Trần Thúy A1 là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Nên không có căn cứ xem xét chấp nhận đơn kháng cáo của 02 bị cáo Võ Văn Kh và Trần Thúy A1, mà cần giữ nguyên án sơ thẩm về hình phạt đối với 02 bị cáo này là phù hợp.

Xét mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội tổ chức đánh bạc đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H; mức hình phạt 03 năm 09 tháng tù về tội đánh bạc đối với bị cáo Phạm Ngọc A; mức hình phạt 03 năm 03 tháng tù đối với bị cáo Huỳnh Trường S là có phần nghiêm khắc, riêng đối với bị cáo Phùng Minh H, bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, như phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cáo; có nơi cư trú rõ ràng; sau khi án sơ thẩm xử xong bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS là gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của địa phương nơi cư trú. Do vậy, có căn cứ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Phạm Ngọc A, Huỳnh Trường S và cho bị cáo Phùng Minh H được hưởng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Từ phân tích và nhận định nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của 02 bị cáo Võ Văn Kh và Trần Thúy A1. Giữ nguyên án sơ thẩm về hình phạt.

Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Phạm Ngọc A, Huỳnh Trường Sa và Phùng Minh H, sửa án sơ thẩm về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt tù có điều kiện, đề nghị

1. Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321 điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55 BLHS, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu H** 02 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 02 năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 năm tù.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc A** 03 năm 06 tháng tù về tội đánh bạc.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo **Huỳnh Trường S** 03 năm tù về tội đánh bạc.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo **Phùng Minh H** 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội đánh bạc.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Từ 12 giờ đến 16 giờ ngày 25/11/2021 tại nhà của bị cáo Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ 08 Thủ Khoa H, phường Thành Nh, thành phố B, các bị cáo Võ Văn Kh và Nguyễn Thị Thu H đã tổ chức hai chiều bạc trong cùng một lúc cho các con bạc đánh bài phỏm được thua bằng tiền, nhằm thu tiền xâu. Đồng thời, H và Kh còn tham gia đánh bạc được thua bằng tiền với các con bạc, cụ thể: Chiều bạc thứ nhất gồm Nguyễn Thị Thu H, Lò Thị T, Phùng Minh H, Trần Thị N, Phùng Bá L, số tiền đánh bạc 42.525.000 đồng; Chiều bạc thứ hai gồm Phạm Ngọc A, Trần Thúy A1, Trịnh Thị Kim L, Huỳnh Trường S, Võ Văn Kh, số tiền đánh bạc 58.030.000 đồng. H và Kh đã thu tiền xâu 700.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Võ Văn Kh về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, c khoản 1 Điều 322 và tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, b, c khoản 1 Điều 322 và tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Các bị cáo

Phạm Ngọc A, Trần Thúy A1, Huỳnh Trường S về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự; Bị cáo Phùng Minh H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Mức hình phạt đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo. Bởi lẽ, quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với các cơ quan tố tụng để làm sáng tỏ những tình tiết, nội dung vụ án; Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn. Các bị cáo có nhân thân tốt (trừ bị cáo Võ Văn Kh), bị cáo Phùng Minh H phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà để bị cáo cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe phòng ngừa người tội phạm. Sau khi kháng cáo, bị cáo H cung cấp giấy tờ thể hiện bà Bùi Thị H1 (mẹ của bị cáo H) là người có công với cách mạng, tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, bị cáo H hiện đang bị bệnh thoái hóa cột sống, sỏi thận; Bị cáo Phạm Ngọc A có ông ngoại được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến trong nhiều năm; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng bổ sung cho các bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Võ Văn Kh, Thu H, Ngọc A, Trường S, Thúy A1; và biện pháp chấp hành hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo Phùng Minh H để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm làm lại cuộc đời và cũng thể hiện được chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước.

[3] Về án phí: Do chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 218/2022/HSST ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với các bị cáo.

[2] Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự:

+ xử phạt bị cáo Võ Văn Kh 01 năm 09 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 03 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị bắt, tạm giữ

từ ngày 25/11/2021 đến ngày 05/12/2021.

- Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s (thêm điểm i đối với tội “Đánh bạc”) khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự:

+ xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội 01 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị bắt, tạm giữ từ ngày 25/11/2021 đến ngày 05/12/2021.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự,

+ Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc A 03 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị bắt, tạm giữ từ ngày 25/11/2021 đến ngày 05/12/2021.

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Trường S 03 năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị bắt, tạm giữ từ ngày 25/11/2021 đến ngày 05/12/2021.

+ Xử phạt bị cáo Trần Thúy A1 03 năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị bắt, tạm giữ từ ngày 25/11/2021 đến ngày 05/12/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phùng Minh H 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 01/11/2022).

Giao bị cáo Phùng Minh H cho Ủy ban nhân dân phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Tân L, trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an T.Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp.BMT;
- VKSND Tp.BMT;
- Công an Tp.BMT;
- Chi cục THADS Tp.B;
- UBND P.Tân L
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung

